

Bản án số: 80/2019/HS-ST

Ngày: 08/11/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ M, TỈNH D

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Tin

2. Bà Phạm Thị Chuộng

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Chính Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã M.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2019 tại Nhà văn hóa KDC H, phường L, thị xã M, tỉnh D xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 76/2019/HSST ngày 11/10/2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2019/QĐXXHS – HS ngày 25 tháng 10 năm 2019 đối với:

Bị cáo **Lê Văn S**, sinh năm 1989, Nơi cư trú: thôn K, xã X, huyện M, tỉnh D (nay là khu dân cư K, phường X, thị xã M, tỉnh D); nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn U, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1970; Tiền sự: Không.

Tiền án: 01 tiền án:

- Tại bản án số 89/2018/HS-ST ngày 12/9/2012 của Tòa án nhân dân huyện M xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (Trị giá tài sản 2.375.000đồng). Ngày 02/4/2019, Trường chấp hành xong hình phạt tù.

Nhân thân:

- Tại bản án số 07/2009/HS-ST ngày 03/3/2009 của Tòa án nhân dân huyện M, xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (trị giá tài sản 2.100.000đồng). Ngày 26/11/2009 Trường chấp hành xong hình phạt tù. Ngày 18/5/2009 bị cáo chấp hành xong phần thi hành án dân sự.

- Tại bản án số 49/2010/HS-ST ngày 26/10/2010 của TAND huyện M xử phạt 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (trị giá tài sản 1.660.000 đồng). Ngày 09/01/2012 Trường chấp hành xong hình phạt tù. Ngày 09/12/2010 Trường chấp hành xong phần thi hành án dân sự.

- Năm 2016, Công an huyện T ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 24/QĐ-XPHC ngày 09/5/2016 bằng hình thức phạt tiền về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày 10/5/2016, Trường đã thi hành xong khoản tiền phạt.

- Năm 2016, Công an huyện T ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 84/QĐ-XPHC ngày 17/11/2016 bằng hình thức phạt tiền về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Ngày 21/11/2016, Trường thi hành xong khoản tiền phạt.

Bị cáo bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam Kim Chi – Công an tỉnh D từ ngày 12/9/2019 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

+ Anh Vũ Tuấn Đ, sinh năm 1983 và chị Phạm Thị L1, sinh năm 1993;
Địa chỉ: Phúc Lâm, phường L, thị xã M, tỉnh D;

Người đại diện theo ủy quyền của chị Phạm Thị L1: Anh Vũ Tuấn Đ. Vắng mặt tại phiên tòa

- Người làm chứng:

+ Anh Trần Văn Năm, sinh năm 1981. Vắng mặt

Địa chỉ: Tổng Xá, phường Thái T1, thị xã M, tỉnh D;

+ Anh Trần Văn Công, sinh năm 1975. Vắng mặt

Địa chỉ: Tổng Xá, phường Thái T1, thị xã M, tỉnh D;

+ Anh Đỗ Văn Quang, sinh năm 1972. Vắng mặt

Địa chỉ: Khu Phúc Lâm, phường L, thị xã M, tỉnh D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 7 giờ 20 phút ngày 09/9/2019, Lê Văn Trường thuê xe ôm của anh Trần Văn Năm, sinh năm 1981, trú tại Tổng Xá, phường Thái T1, thị xã M, tỉnh D đi từ xã X, huyện M (nay là phường X, thị xã M) đến thị trấn M, huyện M, tỉnh D (nay là phường L, thị xã M, tỉnh D) mục đích tìm mua ma túy để sử dụng (anh Năm không biết mục đích của Trường). Khi đi đến đầu ngõ Phố Mới thuộc khu dân cư Phúc Lâm, thị trấn M (nay là phường L), Trường xuống xe đi vào bên trong tìm người hỏi mua ma túy. Khi đi đến nhà vợ chồng anh Vũ Tuấn

Đông, sinh năm 1983 và chị Phạm Thị L1, sinh năm 1993, Trường quan sát thấy trước cửa nhà vợ chồng anh Đông có dựng 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu trắng, biển số 34D1-134.01, chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ khóa điện, xung quanh không có người để ý (xe của vợ chồng anh Đông) nên Trường nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô. Trường đi tới gần chiếc xe, vặn mở khóa điện của xe, nổ máy rồi điều khiển xe đi đến xã Đại Bản, huyện An Dương, TP. Hải Phòng. Trên đường đi, Trường dừng xe mở cốp xe kiểm tra thấy có một chiếc cờ lê cỡ số 8, Trường lấy cất vào túi quần đang mặc và tháo 2 gương xe ném xuống sông. Khi đến xã Đại Bản, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Trường gặp anh Trần Văn Công, sinh năm 1975, trú tại: xã Thái T1, huyện M, tỉnh D (nay là phường Thái T1, thị xã M, tỉnh D) (là bạn xã hội). Trường nhờ Công trông hộ chiếc xe mô tô để Trường đi có việc. Do chờ lâu không thấy Trường quay lại nên Công điều khiển chiếc xe trên ra Quốc lộ 5 thì bị lực lượng Công an xã Đại Bản và Công an huyện M phát hiện, yêu cầu về UBND xã Đại Bản làm việc và quản lý chiếc xe mô tô trên. Còn Trường khi quay lại tìm Công để lấy xe thì gặp Tổ công tác thuộc Công an huyện M yêu cầu về trụ sở làm việc. Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M Trường đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại kết luận định giá tài sản số 89 ngày 09/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong hoạt động tố tụng hình sự huyện M, kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu trắng, biển số 34D1- 134.01 còn giá trị là: 13.600.000 đồng.

Đối với 02 chiếc gương xe Trường ném xuống sông không xác định được vị trí cụ thể nên Cơ quan điều tra Công an huyện M không thu hồi được.

Quá trình điều tra, bị cáo Lê Văn S đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Cáo trạng số 72/CT - VKS ngày 10/10/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện M (nay Viện kiểm sát nhân dân thị xã M) đã truy tố bị cáo Lê Văn S về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như VKSND thị xã M đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Đại diện VKSND thị xã M giữ nguyên Quyết định truy tố; nêu những chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; xem xét nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Đề nghị: Tuyên bố bị cáo Lê Văn S phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Đề nghị áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo Lê Văn S từ 15 đến 18 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt từ tính từ ngày bắt tạm giam 12/9/2019.

Ngoài ra Viện kiểm sát còn đề nghị tiền án phí đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra, Điều tra viên Công an thị xã M; Viện kiểm sát nhân dân thị xã M, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn S thừa nhận hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai người làm chứng, phù hợp tang vật chứng đã thu giữ cũng như các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Đã có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 09/9/2019, tại khu vực nhà ở của vợ chồng anh Vũ Tuấn Đông và chị Phạm Thị Lan ở khu dân cư Phúc Lâm, thị trấn M, huyện M, tỉnh D, Lê Văn S có hành vi **lén lút** chiếm đoạt của vợ chồng anh Đông, chị L1 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Visinon màu trắng, BKS 34D1 – 134.01. Trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt là 13.600.000 đồng.

Hành vi lợi dụng sơ hở của chủ tài sản rồi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân thị xã M đã truy tố bị cáo theo tội danh, điều luật đã viện dẫn là có căn cứ, đúng người đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo không những nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn gây mất trật tự trị an gây tâm lý hoang mang lo lắng cho quần chúng nhân dân tại địa phương nơi xảy ra tội phạm. Bị cáo là người có nhân thân xấu, bị cáo đã có 3 lần bị kết án về tội trộm cắp tài sản. Trong đó tại bản án số 08/2018/HS-ST ngày 25/9/2018, bị cáo bị Tòa án nhân

dân huyện M, xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo mới chấp hành xong hình phạt ngày 02/4/2019, chưa được xóa án tích. Sau khi chấp hành xong hình phạt tù, bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng rèn luyện bản thân, nay lại phạm tội thể hiện ý thức coi thường pháp luật của bị cáo. Do vậy, cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- *Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Tại bản án số 08/2018/HS-ST ngày 25/9/2018, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện M, xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa được xóa án tích, lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “*Người phạm tội thành khẩn khai báo*” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo là đối tượng không có công việc và thu nhập nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Trách nhiệm dân sự: Tài sản bị mất, người bị hại anh Đông, chị L1 đã nhận lại. Đối với 02 gương xe máy, giá trị tài sản không lớn anh Đông đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của chị Lân không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án.

[7] Xử lý vật chứng:

Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện M quản lý chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision màu trắng, biển số 34D1-134.01. Quá trình điều tra, xác định chiếc xe trên là tài sản hợp pháp của vợ chồng anh Đông, chị L1. Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện M đã trả lại chiếc xe cho vợ chồng anh Đông, chị L1 quản lý sử dụng nên không đặt ra xem xét xử lý trong vụ án.

Trong vụ án này đối với anh Trần Văn Năm là người chở bị cáo đến khu dân cư Phúc Lâm, thị trấn M, huyện M, tỉnh D trước thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội và anh Trần Văn Công là người được bị cáo nhờ trông giữ xe sau khi phạm tội mà có. Quá trình điều tra xác định anh Năm không biết mục đích bị cáo Trường đi mua ma túy cũng như việc bị cáo Trường trộm cắp tài sản. Đối với anh Công, khi nhận trông giữ xe, anh Công không biết nguồn gốc xe do Trường phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M không xử lý đối với anh Năm và anh Công là phù hợp.

[8] *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- *Căn cứ vào*: khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

- *Căn cứ vào*: Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- *Về tội danh*: Tuyên bố bị cáo Lê Văn S phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- *Hình phạt chính*: Xử phạt Lê Văn S 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam, ngày **12/9/2019**.

- *Trách nhiệm dân sự*: Tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho người bị hại là anh Đ, chị L1. Anh Đông, chị L1 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì nên không đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án.

- *Án phí*: Bị cáo Lê Văn S phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

- *Quyền kháng cáo*: Án xử công khai sơ thẩm; có mặt bị cáo, vắng mặt người bị hại. Đã báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân tỉnh D;
- VKS nhân dân thị xã Minh Môn;
- Trại tạm giam Kim Chi – CA tỉnh HD;
- Công an thị xã M;
- Bị cáo;
- Sở tư pháp tỉnh D;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Khánh